

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HSST
Ngày 29/01/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LONG KHÁNH - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Thế Nam

2/ Ông Mai Văn Khánh

- Thư ký phiên tòa: Cô Huỳnh Lê Ngọc Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Long Khánh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 01/12/2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX ST-HS ngày 09/01/2019 đối với các bị cáo:

1. VÕ HOÀNG T (tên gọi khác: TL), sinh năm 1992, tại ĐN; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: khu phố 3, phường XT, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Tr, sinh năm 1958 và bà Bùi Thị L, sinh năm 1964; Tiền sự: Không. Tiền án: Tại bản án số 37/2014/HSST ngày 19/5/2014, Tòa án nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 13/7/2014 nhưng đến nay chưa nộp tiền án phí.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 07/9/2018 (Có mặt).

2. NGUYỄN DUY Q (tên gọi khác: B), sinh năm 1994, tại LD; Nơi cư trú: khu phố 5, phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai, Nghề nghiệp: Thợ sơn; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: không rõ và bà Văn Thị Y, sinh năm 1968; Tiền án: không; Tiền sự: Ngày 23/9/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã LK, tỉnh Đồng Nai ra

quyết định số 47/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 12 tháng kể từ ngày 17/8/2016. Đến ngày 12/4/2017, được Tòa án nhân dân huyện XL, tỉnh Đồng Nai ra quyết định số 156/QĐ-TA miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 11/8/2018 (Có mặt).

3. TRẦN QUANG P (tên gọi khác: Trần Thanh P, C), sinh năm 1999, tại TTH; Nơi cư trú: khu phố A, phường XT, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Thanh Ph, sinh năm 1962 và bà Tôn Nữ Thị T, sinh năm 1972; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 11/8/2018 (Có mặt).

- *Người bị hại :*

1. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1983. Địa chỉ: tổ A, ấp BVB, xã BV, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

2. Cháu Nguyễn Thị Khánh N, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2001 tại ĐN (Vắng mặt).

- Người đại diện hợp pháp cho cháu N : ông Nguyễn K, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ : tổ A, ấp BVB, xã BV, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Nguyễn Thế Q, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp NT, xã ST, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

4. Ông Đỗ Ngọc D, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp BVA, xã BV, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

5. Ông Lê Tiến Đ, sinh năm 1994. Địa chỉ : ấp NT, xã ST, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

6. Bà Lương Thị Cẩm N, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp B, xã BL, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

7. Ông Đào Nậy L, sinh năm 1956. Địa chỉ: tổ B, ấp BVB, xã BV, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đông T, sinh năm 1984. Địa chỉ : ấp ĐK, xã GK, huyện TN, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2. Bà Tôn Nữ Thị T, sinh năm 1972. Địa chỉ: khu phố A, phường XT, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

3. Bà Văn Thị Y, sinh năm 1968. Địa chỉ: khu phố B, phường XB, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

4. Ông Võ Duy H, sinh năm 1987. Địa chỉ: ấp NT, xã ST, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Có mặt).

5. Ông Phạm Ngọc V, sinh năm 1988. Địa chỉ: xã XT, huyện CM, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Hồng P, sinh năm 1971. Địa chỉ: ấp HG, xã HG, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1953. Địa chỉ: khu phố C, phường XT, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp NĐ, xã BS, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1981. Địa chỉ: đường số A, ấp NT, xã ST, thị xã LK, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ tháng 6/2018 đến tháng 8/2018, Võ Hoàng T, Nguyễn Duy Q và Trần Quang P đã cùng nhau thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã LK. Cụ thể như sau:

Vụ 01: Khoảng 01 giờ ngày 02/8/2018 T, Q và P cùng rủ nhau đi trộm cắp tài sản. P sử dụng xe mô tô biển số 60B2 - 460.71 của T chở Q, T đi đến ấp B V B, xã BV, thị xã LK thì cả ba thống nhất để T và Q đi kiểm tài sản để lấy trộm, P lấy xe về trước, khi nào T gọi điện thoại thì P đến chở T và Q về.

Sau đó, T và Q phát hiện nhà anh Trần Văn Đ, sinh năm 1983 ở gần đó cửa sổ khép hờ. T lấy 01 đoạn dây dài khoảng 02m, một đầu buộc đoạn móc sắt luôn qua cửa sổ rồi đẩy móc khóa cửa chính ra. T và Q đi vào trong nhà lấy trộm được 01 điện thoại di động Samsung Galaxy A5 màu trắng của Nguyễn Thị Khánh N, sinh năm 2001 (cháu của anh Đ); 01 điện thoại di động Nokia Lumia; 01 laptop HP màu bạc; 01 điện thoại Iphone 5 màu trắng; 01 điện thoại di động Mobile màu đen của bà Nguyễn Thị Đ(mẹ vợ anh Đ) và số tiền 1.700.000 đồng của anh Đ. Lấy trộm tài sản xong, T gọi điện cho P đến chở T và Q về nhà trọ của P.

Số tài sản trộm được Q lấy 1.700.000 đồng và mang 01 laptop HP; 01 điện thoại Iphone 5 đến bán cho anh Nguyễn Đông T, sinh năm 1984, ngụ ấp ĐK, xã GK, huyện TN được 1.700.000 đồng. Chiếc điện thoại di động Nokia Lumia, P bán cho anh Võ Duy H, sinh năm 1987, ngụ ấp NT, xã ST, thị xã LK với giá 200.000 đồng. T lấy chiếc điện thoại di động Mobile cho mẹ của P là bà Tôn Nữ Thị T. Còn chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A5, T và P mang đến Cửa hàng điện thoại di động HH ở khu phố 1, phường XT, thị xã LK do anh Phạm Ngọc V làm chủ, cầm lấy 1.000.000 đồng. Sau đó, mẹ của Q là bà Văn Thị Y chuộc về để sử dụng, khi Q đang sử dụng chiếc điện thoại trên thì bị Công an thị xã LK phát hiện, bắt giữ Q.

Ngoài các tài sản các bị can khai nhận trộm cắp như trên, anh Đ khai các bị can còn trộm cắp một số tài sản khác của gia đình anh gồm: 01 chiếc ví bên trong có 3.000.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng trọng lượng 01 chỉ hiệu 9999; 01 bộ nữ

trang bằng vàng hiệu PNJ có trọng lượng khoảng 03 chỉ và 01 số giấy tờ tùy thân. Tuy nhiên, các bị can không thừa nhận.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 230/HĐĐGTSTTTHS ngày 15/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã LK kết luận: Điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5 có giá trị: 2.000.000 đồng.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia; 01 laptop hiệu HP, các tài sản trên Cơ quan cảnh sát điều tra (CQCSĐT) chưa thu hồi được, đã qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã LK không có cơ sở để định giá.

Vụ 2: Khoảng hơn 03 giờ sáng ngày 10/8/2018, Q đi bộ đến quán cà phê BA, ở ấp NT, thị xã LK. Q thấy bên trong quán có khoảng 05 người đang ngủ say nên Q lên vào lấy trộm 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone 5 màu trắng của anh Lê Tiến Đ, sinh năm 1994, ngụ ấp NT, xã ST, thị xã LK và 01 chiếc Iphone 8 plus màu vàng Gold của chị Lương Thị Cẩm N, sinh năm 1984, ngụ ấp 1, xã BL, thị xã LK rồi đi ra ngoài thì được P đến đón về. Đến 07 giờ sáng cùng ngày, cả hai mang 02 chiếc điện thoại trên đến bán cho anh Nguyễn Đông T với giá 5.000.000 đồng. Sau khi bán được tài sản, Q cho P 2.300.000 đồng, cho bà Văn Thị Y (mẹ của Q) 300.000 đồng, số tiền còn lại Q giữ tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 231/HĐĐGTSTTTHS ngày 15/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã LK kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 trị giá 12.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 trị giá 1.200.000 đồng.

Ngoài hai vụ trộm cắp như trên, các bị can Q, P, T còn thực hiện các vụ trộm cắp khác nhưng có vụ CQCSĐT Công an thị xã LK không thu hồi được vật chứng để định giá tài sản; có vụ tài sản trộm cắp dưới 2.000.000đ; có vụ không tìm được bị hại. Cụ thể như sau:

Vụ 1: Khoảng 01 giờ ngày 10/8/2018, P sử dụng xe máy hiệu Dream, màu nho, biển số 60B2-460.71 (xe của T) chở Q đến đoạn ấp NT, xã ST, thị xã LK thì phát hiện anh Nguyễn Thế Quý đang ngủ trong chòi vừa trái cây, bên cạnh để 01 điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng nên Phú đứng ngoài cảnh giới rồi Quang đi vào lấy trộm được chiếc điện thoại trên. Sau đó, cả hai mang chiếc điện thoại trên đưa cho đối tượng tên Út (không rõ nhân thân, lai lịch) để trừ tiền nợ của Phú và Quang đã nợ Út trước đó.

Do chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng không thu hồi được, không cung cấp được hóa đơn, chứng từ nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự không có cơ sở để định giá.

Vụ 2: Khoảng 3 giờ ngày 10/8/2018, sau khi lấy trộm tài sản của anh Nguyễn Thế Q xong, P chở Q đi đến nhà anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1981, ngụ số A, đường số B, ấp NT, xã ST, thị xã LK thì phát hiện phía trong cổng nhà anh T có 01 chiếc máy cắt và 01 máy khoan của anh Đỗ Ngọc D đang làm thuê cho gia đình anh T nên P dừng xe lại đứng ngoài cảnh giới rồi Q đi vào lấy trộm các tài sản trên mang ra cho P và nói P mang về phòng trọ của Q cất giấu.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 229/HĐĐGTSTTTHS ngày 15/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã LK kết luận: 01 chiếc máy cắt sắt có giá trị 1.000.000 đồng; 01 chiếc máy khoan có giá trị 300.000 đồng.

Vụ 03: Khoảng tháng 6/2018, P và T đến nhà anh Đào Nảy L, ngụ tổ A, ấp BV, xã BV, thị xã LK lấy trộm được 01 lồng chim bên trong có 01 con chim chào mào. Sau đó, T mang đến bán cho anh Nguyễn Văn T, là chủ cửa hàng mua bán chim ở đường Hồ Thị H, phường XA, thị xã LK được 300.000 đồng. Do CQCSĐT không thu hồi được vật chứng, không cung cấp được hóa đơn, chứng từ mua tài sản nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã LK không có cơ sở xác định loại tài sản để khảo sát giá và định giá.

Vụ 04: Sau khi lấy trộm chim ở nhà anh L xong, T đi qua bãi đất trống ở khu nghĩa địa xã BV (sát bên cạnh nhà anh L) lấy trộm được khoảng 20kg sắt của một người dân. Sau đó, T và P mang đến cửa hàng phế liệu ở xã ST, thị xã LK bán được 150.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết. Vụ này CQCSĐT không tìm được bị hại.

Vụ 05: Khoảng tháng 7/2018, P và T đi đến ấp BV, xã BV, thị xã LK trộm 01 điện thoại di động hiệu Samsung của 01 hộ dân không rõ. Sau đó, cả hai mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại HH bán được 450.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết.

Vụ 06: Khoảng tháng 7/2018, P và T đi đến Nhà trọ HT, thuộc tổ A, khu phố B, phường XT, thị xã LK do bà Nguyễn Thị Ngọc C làm chủ, lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 của 01 người ở trọ không rõ. Sau đó, T mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại HH, ở phường XT, thị xã LK bán được 500.000 đồng, chia nhau tiêu xài hết.

Ngoài ra, theo khai nhận của T thì vào khoảng tháng 7/2018, T và P đi đến nhà bà Trần Thị N, sinh năm 1954, ngụ tổ A, khu phố B, phường XT, thị xã LK lấy trộm được 1.000.000 đồng. T cho P 300.000 đồng, còn 700.000 đồng T tiêu xài cá nhân hết nhưng P không thừa nhận tham gia vụ trộm này, đồng thời bà N cũng khai không bị mất trộm gì nên không có cơ sở để xử lý.

Vật chứng thu giữ là 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5; 01 đoạn cây, một đầu buộc đoạn móc sắt dài khoảng 02m; 01 xe máy biển số 60B2 - 460.71; 01 chiếc máy cắt sắt, 01 chiếc máy khoan; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 và 01

điện thoại di động hiệu Iphone 5. Hiện CQCSĐT Công an thị xã LK đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A5 cho chị Nguyễn Thị Khánh N; 01 chiếc máy cắt sắt, 01 chiếc máy khoan cho anh Đỗ Ngọc D; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 cho chị Lương Thị Cẩm N và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5 cho anh Lê Tiến Đ.

Khi bắt giữ Q, CQCSĐT Công an thị xã LK thu giữ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Votex và số tiền 1.225.000 đồng nên cần tiếp tục tạm giữ các tài sản trên để đảm bảo thi hành án.

Sau khi trộm được tài sản bị can P cho mẹ là bà Tôn Nữ Thị T số tiền 700.000 đồng, cho chị ruột là Trần Thị Như Q số tiền 300.000 đồng; Bị can Q cho mẹ là bà Văn Thị Y số tiền 300.000 đồng. Bà T, Y và chị Q đã giao nộp lại cho CQCSĐT Công an thị xã LK.

Theo T khai nhận T có cho bà Tôn Nữ Thị T 01 chiếc điện thoại di động hiệu Mobile, màu đen. Qua làm việc bà T không thừa nhận có sự việc trên nên CQCSĐT Công an thị xã LK không thu hồi được tài sản.

Tại bản cáo trạng số 117/CT-VKS-LK ngày 30/11/2018, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã LK đã truy tố các bị cáo Võ Hoàng T, Nguyễn Duy Q và Trần Quang P về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố các bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị áp dụng:

Đối với bị cáo Võ Hoàng T: Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy Q : Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Q từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đối với bị cáo Trần Quang P: Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo P từ 08 tháng đến 01 năm tù.

- Về bồi thường dân sự:

Buộc các bị cáo T, Q và P liên đới bồi thường cho ông Trần Văn Đ số tiền 12.700.000 đồng;

Buộc bị cáo Q và P liên đới bồi thường cho Ông Nguyễn Đông T số tiền: 5.000.000 đồng và bồi thường cho ông Nguyễn Thế Q số tiền: 2.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe máy hiệu FENGSHIDA, biên số 60B2-460.71, Số khung RRKDCG1TT6XN00950, Số máy VTT29JL1P50FMG-000950.

Tịch thu tiêu hủy 01 khúc cây dài 1,5m (một đầu buộc 01 móc sắt).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.525.000 đồng gồm 1.000.000 đồng của P và 1.525.000 đồng của Q để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại di động hiệu Votex.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Võ Hoàng T, Nguyễn Duy Q và Trần Quang P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, Biên bản xác định địa điểm, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản khám xét, Biên bản nhận dạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Để có tiền tiêu xài, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2018 đến tháng 08/2018 các bị cáo Võ Hoàng T, Nguyễn Duy Q và Trần Quang P lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu, đã lén lút thực hiện trộm cắp tài sản trên địa bàn thị xã LK. Trong đó: bị cáo Võ Hoàng T tham gia trộm cắp 02 vụ, tổng số tiền chiếm đoạt là 3.700.000 đồng; bị cáo Nguyễn Duy Q tham gia trộm cắp 04 vụ, tổng số tiền chiếm đoạt là 18.200.000 đồng; bị cáo Trần Quang P tham gia trộm cắp 05 vụ, tổng số tiền chiếm đoạt là 18.200.000 đồng. Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Võ Hoàng T, Nguyễn Duy Q và Trần Quang P phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T và Q là người thực hành tích cực, trực tiếp lấy trộm tài sản. Bị cáo P là người tham gia với vai trò giúp sức, thường xuyên dùng xe máy của T đưa đón T và Q đi trộm cắp tài sản và được chia tiền từ việc bán các tài sản trộm cắp nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương ứng với hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo T có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng: “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q và P phải chịu tình tiết tăng nặng là: “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo Q còn có 01 tiền sự, nhân thân xấu. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đối với anh Nguyễn Đông T, Võ Duy H, Phạm Ngọc V, Nguyễn Văn T khi mua tài sản đều không biết đây là tài sản do các bị cáo trộm cắp. Khi được cho tiền, bà

Tôn Nữ Thị T, Văn Thị Y, Trần Thị Như Q cũng không biết số tiền trên do các bị cáo trộm cắp mà có nên không có cơ sở để xử lý.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, người bị hại là ông Đào Nảy L không yêu cầu bồi thường thiệt hại do bị mất tài sản nữa, xét yêu cầu này là tự nguyện nên ghi nhận.

Đối với người bị hại là ông Trần Văn Đ có yêu cầu bồi thường tổng giá trị tài sản bị mất là 29.480.000 đồng nhưng các bị cáo chỉ thừa nhận và đồng ý bồi thường số tiền lấy trộm là 1.700.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S; 01 điện thoại di động hiệu Nokia Lumia; 01 laptop hiệu HP, 01 điện thoại di động hiệu Mobile. Tổng cộng là 12.700.000 đồng. Đối với tài sản gồm 01 chiếc nhẫn bằng vàng trọng lượng 01 chỉ hiệu 9999; 01 bộ nữ trang bằng vàng hiệu PNJ có trọng lượng khoảng 03 chỉ và tiền mặt là 3.000.000 đồng. Các bị cáo không thừa nhận. Ông Đ không cung cấp được hóa đơn, chứng từ liên quan đến tài sản trên, tài sản bị mất không thu hồi được nên chỉ đủ cơ sở buộc các bị cáo T, Q và P liên đới bồi thường cho ông Trần Văn Đ số tiền: 12.700.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường: 4.234.000 đồng.

Đối với người bị hại là ông Nguyễn Thế Q có yêu cầu bồi thường giá trị tài sản bị mất là 2.000.000 đồng. Mặc dù, người bị hại không cung cấp được hóa đơn, chứng từ liên quan đến tài sản nhưng bị cáo Q và P đồng ý bồi thường cho ông Q nên ghi nhận. Do vậy, buộc bị cáo Q và P mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông Q số tiền là 1.000.000 đồng.

Đối với ông Nguyễn Đông T yêu cầu bồi thường số tiền đã mua điện thoại Iphone 8 plus màu vàng và Iphone 5 là 5.000.000 đồng. Bị cáo Q và P đồng ý bồi thường theo yêu cầu của ông T nên ghi nhận. Do vậy, buộc bị cáo Q và P mỗi bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền là 2.500.000 đồng.

[4] Về vật chứng:

Đối với xe máy hiệu FENGSHIDA, biển số 60B2-460.71, Số khung RRKDCG1TT6XN00950, Số máy VTT29JL1P50FMG-000950 là phương tiện phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 khúc cây dài 1,5m (một đầu buộc 01 móc sắt) là vật chứng của vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Votex thu giữ của bị cáo Q: nhận thấy chiếc điện thoại này không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Q.

Đối với số tiền 2.525.000 đồng, gồm 1.000.000 đồng của bị cáo P và 1.525.000 đồng của bị cáo Q cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án.

[5] Quá trình khởi tố vụ án, khởi tố bị can, thực hiện các hành vi tố tụng và ban hành các quyết định tố tụng và truy tố của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã LK phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo **Võ Hoàng T (TL)**, **Nguyễn Duy Q (B)** và **Trần Quang P (Trần Thanh P, C)** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo **Võ Hoàng T (TL)** 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/9/2018.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 38, Điều 17 Bộ luật hình sự ;

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Duy Q (B)** 10 (Mười) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2018.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quang P (Trần Thanh P, C)** 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo T, Q và P liên đới bồi thường cho ông Trần Văn Đ số tiền: 12.700.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường: 4.234.000 đồng.

Buộc bị cáo Q và P liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Đông T số tiền: 5.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường: 2.500.000 đồng.

Buộc bị cáo Q và P liên đới bồi thường cho ông Nguyễn Thế Q số tiền: 2.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường: 1.000.000 đồng.

3. Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe máy hiệu FENGSHIDA, biển số 60B2-460.71, Số khung RRKDCG1TT6XN00950, Số máy VTT29JL1P50FMG-000950

Tịch thu tiêu hủy 01 khúc cây dài 1,5m (một đầu buộc 01 móc sắt).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.525.000 đồng gồm 1.000.000 đồng của P và 1.525.000 đồng của Q để đảm bảo công tác thi hành án.

Trả lại cho bị cáo Q 01 điện thoại di động hiệu Votex.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã LK và giấy nộp tiền tại Kho bạc nhà nước thị xã LK ngày 30/11/2018).

4. Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí hình sự: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự: Bị cáo T nộp 211.700 đồng, Q nộp 386.700 đồng và P nộp 386.700 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải trả thêm khoản lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Công an TX LK;
- VKSND TX LK;
- THADS TX LK;
- Hồ sơ thi hành án;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Thùy Trang

